

## BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 197/BC-HĐND ngày 02/12/2022 của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, UBND tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình một số nội dung như sau:

### 1. Đối với nội dung dự thảo nghị quyết

**1.1. Ý kiến thẩm tra:** Xóa mù chữ là một mục tiêu, nhiệm vụ trong thực hiện “Xây dựng xã hội học tập”, do đó Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị tên nghị quyết nên viết ngắn gọn như sau: “*Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*”.

**Ý kiến tiếp thu giải trình:** UBND tỉnh tiếp thu và đã sửa lại tên dự thảo nghị quyết.

**1.2. Ý kiến thẩm tra:** Đối với mức chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị làm rõ nội dung tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm e, khoản 1, điều 2 dự thảo nghị quyết.

### **Ý kiến tiếp thu, giải trình:**

- Đối với nội dung: “*trong dự thảo nghị quyết, UBND tỉnh chỉ đề xuất quy định nội dung chi cho người trực tiếp thực hiện điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu cấp xã, cấp huyện và quy định mức chi cụ thể*”: Nhiệm vụ điều tra thống kê, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục, xoá mù chữ là nhiệm vụ thực hiện hàng năm của ngành GD&ĐT. Bộ GD&ĐT đã có mẫu phiếu điều tra và đã tổ chức tập huấn hướng dẫn điều tra, thu thập, tổng hợp, xử lý số liệu đến các cán bộ, giáo viên; hiện nay, các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác điều tra đều có thể thực hiện được nhiệm vụ điều tra thống kê, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. Do đó, việc điều tra, khảo sát phục vụ công tác phổ cập giáo dục không cần thiết phải chi các nội khác<sup>1</sup> ngoài tiền công điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục, xoá mù chữ mà vẫn đảm bảo được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác điều tra. Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị chỉ chi tiền công điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục như trong dự thảo nghị quyết. Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống

<sup>1</sup>chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê; chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho Điều tra viên thống kê; chi in tài liệu hướng dẫn Điều tra thống kê...

kê, tổng điều tra thống kê quốc gia (Thông tư số 109/2016/TT-BTC) thì việc chi trả tiền công điều tra theo số phiếu<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo (Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND)<sup>3</sup> chưa quy định cụ thể số tiền chi cho 01 phiếu điều tra mà chỉ quy định cách tính tiền công điều tra. Do đó, để đảm bảo thống nhất và dễ dàng trong việc triển khai đối với nội dung chi này, UBND tỉnh đề nghị quy định mức chi cụ thể như dự thảo Nghị quyết, nội dung chi này trước đây vẫn thực hiện<sup>4</sup>, UBND tỉnh đề nghị nâng mức chi để phù hợp với giai đoạn hiện nay<sup>5</sup>.

- Đối với nội dung về *cơ sở tính toán tiền công*: Để điều tra, các giáo viên phải thực hiện ngoài giờ lên lớp, mất nhiều thời gian vì phải đi đến từng hộ gia đình, thậm chí đi lại nhiều lần mới gặp được chủ hộ, do đó thời gian đi điều tra của giáo viên có thể mất từ 10-20 ngày. Qua theo dõi thực tế, mỗi giáo viên đi điều tra khoảng 50 hộ, nếu tính thời gian điều tra là 10 ngày thì bình quân mỗi giáo viên điều tra khoảng 5 phiếu/ngày.

- Đối với nội dung *“Chi cho người tổng hợp số liệu ở cấp huyện cũng tính mức chi theo số phiếu điều tra”*: Việc tổng hợp, thống kê ở cấp huyện cũng phải rà soát đến từng hộ gia đình (phiếu điều tra), việc chi trả tiền công tổng hợp, xử lý số liệu của cấp huyện theo số phiếu là phù hợp thực tế và đúng quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC<sup>6</sup> như đã thực hiện trước đây<sup>7</sup>.

**1.3. Ý kiến thẩm tra:** “Đối với mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025 quy định tại khoản 2, điều 2 dự thảo nghị quyết: UBND tỉnh đề xuất mức hỗ trợ 3.600.000đồng/người/giai đoạn (*tương đương khoảng 400.000 đồng/người/tháng*). Qua thẩm tra cho thấy giai đoạn 2020-2021 người dân tham gia học xóa mù chữ không được hỗ trợ, giai đoạn 2021-2025 do có Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nên mới có chính sách hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ, khi Chương trình không còn hỗ trợ với điều kiện của tỉnh sẽ khó bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân. Mặt khác, những người mù chữ trên địa bàn tỉnh chủ yếu sinh sống ở các địa bàn đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, người khuyết tật... Do đó, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị không quy định mức hỗ trợ thêm như tại dự thảo nghị quyết mà chỉ để một mức hỗ trợ, đồng thời xem xét mức hỗ trợ phù hợp. Theo

<sup>2</sup>Tại điểm d khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định: “Căn cứ phương án Điều tra thống kê được phê duyệt, thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê thực hiện khoản tiền công Điều tra thống kê quy định tại Điểm a, b và c Khoản này theo số phiếu Điều tra thống kê phù hợp với địa bàn Điều tra thống kê”.

<sup>3</sup> Chi tiền công điều tra thống kê thực hiện theo quy định tại khoản 5, 8, 9 và điểm a, điểm c khoản 12 Điều 13 Thông tư số 109/2016/TT-BTC

<sup>4</sup>Chi giáo viên điều tra là 5.000đ/phiếu; chi thống kê, xử lý số liệu tại cấp xã: 1.200đ/phiếu; thống kê, xử lý số liệu cấp huyện: 800đ/phiếu (Theo Công văn số 827/SGD&ĐT-KHTC ngày 30/5/2014 của Sở GD&ĐT Bắc Kạn về việc hướng dẫn chi kinh phí và quyết toán kinh phí phổ cập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn).

<sup>5</sup>Chi giáo viên điều tra là 10.000đ/phiếu; chi thống kê, xử lý số liệu tại cấp xã: 1.500đ/phiếu; thống kê, xử lý số liệu cấp huyện: 1.000đ/phiếu.

<sup>6</sup>Tại điểm d khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định: “Căn cứ phương án Điều tra thống kê được phê duyệt, thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê thực hiện khoản tiền công Điều tra thống kê quy định tại Điểm a, b và c Khoản này theo số phiếu Điều tra thống kê phù hợp với địa bàn Điều tra thống kê”.

<sup>7</sup>Theo Công văn số 827/SGD&ĐT-KHTC ngày 30/5/2014 của Sở GD&ĐT Bắc Kạn về việc hướng dẫn chi kinh phí và quyết toán kinh phí phổ cập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, mức chi xử lý số liệu cấp huyện: 800đ/phiếu.

thẩm quyền, HĐND tỉnh chỉ quy định mức chi, còn cách thức chi trả đề nghị UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện và Ban đề nghị bỏ nội dung *chi trả sau khi người học hoàn thành mỗi giai đoạn học tập* trong khoản này.”

**Ý kiến tiếp thu, giải trình:**

- Đối với nội dung “*đề nghị không quy định mức hỗ trợ thêm như tại dự thảo nghị quyết mà chỉ để một mức hỗ trợ, đồng thời xem xét mức hỗ trợ phù hợp*”: UBND tỉnh tiếp thu và xây dựng một mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/người/giai đoạn (tương đương khoảng 200.000 đồng/người/tháng hoặc 10.000 đồng/người/buổi)<sup>8</sup>. Cơ sở tính toán để đề xuất mức hỗ trợ 2.000.000đ/giai đoạn có trong biểu thuyết minh chi tiết gửi kèm. Với mức mức hỗ trợ 3.600.000 đồng/người/giai đoạn, tỉnh có thể cân đối bố trí kinh phí được nên với mức hỗ trợ thấp hơn là 2.000.000 đồng/người/giai đoạn sẽ đảm bảo bố trí kinh phí để thực hiện. Hiện nay, tỉnh chưa có quy định mức hỗ trợ cho người học XMC, tuy nhiên trước đây tỉnh đã có quy định tương tự đó là hỗ trợ cho học viên lớp bổ túc THCS 150.000 đồng/tháng (Quyết định số 755/2007/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ cho học viên học bổ túc THCS để duy trì PCGDTHCS trên địa bàn tỉnh).

- Đối với nội dung “*đề nghị UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện và Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị bỏ nội dung chi trả sau khi người học hoàn thành mỗi giai đoạn học tập trong khoản này*”. UBND tỉnh tiếp thu và thống nhất theo đề nghị.

**2. Một số ý kiến khác đối với Tờ trình của UBND tỉnh**

**2.1. Ý kiến thẩm tra**

“Kinh phí thực hiện nghị quyết: Tổng kinh phí 36,043 tỷ: Giai đoạn 2022-2025 là 24,719 tỷ (trong đó: từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác 9.888.440.000 đồng; từ nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 10.527.400.000 đồng; từ nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 4.303.400.000 đồng); Giai đoạn 2026-2030: 11,324 tỷ, từ nguồn ngân sách tỉnh, các Chương trình MTQG và các nguồn hợp pháp khác. Tuy nhiên qua theo dõi, kinh phí xác định từ nguồn CTMTQG xây dựng nông thôn mới là không khả thi.”

**Ý kiến tiếp thu, giải trình:** Tất cả các nội dung chi trong dự toán kinh phí liên quan đến nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh xác định nguồn kinh phí thực hiện là “*Từ nguồn kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn hợp pháp khác*”, theo đó tại buổi làm việc ngày 29/11/2022 với Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, Sở Tài chính có ý kiến với số kinh phí như trong dự toán thì tỉnh có thể cân đối, bố trí được (trong đó kinh phí chi từ *nguồn kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn hợp pháp khác* có thể bố trí được từ *ngân sách cấp tỉnh*). Do vậy, UBND tỉnh thay cụm từ “*nguồn kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn hợp pháp khác*” bằng cụm từ “*nguồn ngân sách cấp tỉnh*”. Ngoài ra, sau khi xác định lại các mức chi, dự toán kinh phí thực hiện trong giai

<sup>8</sup>Mức hỗ trợ của một số tỉnh: Sơn La dự kiến 10.000 đồng/buổi, Lai Châu: 150.000 đồng/tháng, Lào Cai 183.000 đồng/tháng, Lạng Sơn 2.980.000 đồng/giai đoạn.

đoạn 2022-2030 giảm còn 28,057 tỷ đồng (giảm 7,986 tỷ đồng), như vậy việc đảm bảo kinh phí để triển khai thực hiện nghị quyết là có khả thi (*có dự toán kinh phí chi tiết gửi kèm*).

## **2.2. Ý kiến thẩm tra**

“Trong dự toán kinh phí thực hiện Đề án “*Xây dựng xã hội học tập*”, dự kiến nhiệm vụ thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập một số nhiệm vụ chưa sát, như: Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tình thực hiện 04 cuộc/mỗi năm, cấp huyện thực hiện 04 cuộc/mỗi năm; Về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án mỗi năm tính tổ chức 01 cuộc, mỗi huyện tổ chức 01 cuộc; Việc điều tra phổ cập, xóa mù chữ mỗi năm đều thực hiện một lần với hơn 80.000 phiếu điều tra/năm; Về chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ: Trong mỗi giai đoạn học tập (*tương đương khoảng 01 năm học*) học viên được hỗ trợ hỗ đến 30 quyển vở ô ly 80 trang; Về chi mua sách giáo khoa, tài liệu dùng chung, cơ sở quy định mức chi có nêu là mua sách giáo khoa, tài liệu để xây dựng tủ sách dùng chung cho thư viện nhà trường để cho giáo viên và học viên mượn phục vụ dạy và học (*sách giáo khoa, tài liệu có thể dùng nhiều lần*) nhưng trong dự toán đang dự toán theo số học viên học xóa mù chữ; Về chi tiền lương, tiền công cho người tham gia giảng dạy xóa mù chữ: Đang được dự toán chi 8 triệu đồng/tháng, ngoài ra còn hỗ trợ chi phí hỗ trợ ăn ở, đi lại cho những người tình nguyện tham gia giảng dạy”.

### **Ý kiến tiếp thu, giải trình:**

- Đối với nội dung “*công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện*” và “*đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án*”: UBND tỉnh tiếp thu và xác định lại số cuộc kiểm tra, giám sát, tập huấn cho phù hợp, đồng thời tính lại dự toán kinh phí<sup>9</sup> (*nội dung chi tiết trong dự toán kinh phí gửi kèm*).

- Về việc điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm: Theo quy định của Chính phủ và Bộ GD&ĐT, việc điều tra PCGD, XMC phải thực hiện hàng năm và phải điều tra đến 100% hộ gia đình.

- Về chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ: Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC: “*Đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ được nhà nước hỗ trợ học phẩm: Tùy thuộc tình hình thực tế tại địa phương, UBND cấp tỉnh phê duyệt danh mục tên học phẩm, số lượng học phẩm hỗ trợ trong phạm vi danh mục hỗ trợ học phẩm đối với cấp trung học cơ sở quy định tại Khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc*”. Theo đó, danh mục học phẩm theo quy định gồm có 12 danh mục, căn cứ vào tình hình thực tế và chương trình XMC, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt danh mục học phẩm hỗ trợ cho học

<sup>9</sup>Tình kiểm tra cấp huyện chỉ còn 2 cuộc/năm, huyện kiểm tra xã chỉ còn 2 cuộc/năm; tập huấn, bồi dưỡng chỉ còn 5 cuộc/năm (tỉnh 01 cuộc, huyện 04 cuộc). Tổng kinh phí đi kiểm tra, giám sát; tập huấn, bồi dưỡng giai đoạn 2022-2030 chỉ là 731.700.000 đồng (bình quân 81.300.000 đồng/năm).

viên các lớp xoá mù chữ<sup>10</sup> gồm 07 danh mục (giảm 05 danh mục), số lượng đề xuất cho mỗi danh mục không vượt quá quy định cho phép.

- *Về chi mua sách giáo khoa, tài liệu dùng chung:* Việc xây dựng dự toán mua sách giáo khoa, tài liệu dùng chung trong mấy năm đầu (2022, 2023), UBND tỉnh tính theo số học viên vì trong giai đoạn đầu có thể việc mở lớp XMC diễn ra ở các địa điểm khác nhau, các cơ sở giáo dục chưa có nguồn tài liệu trong thư viện để sử dụng lại nên phải mua mới. Đến năm 2024, UBND tỉnh đã dự toán số lượng tài liệu cần mua bằng 50% số học viên; từ năm 2025 đến 2030, UBND tỉnh đã bỏ dự toán kinh phí mua tài liệu. Ngoài ra, thực tế số lượng tài liệu cần mua có thể ít hơn dự toán nếu có lớp XMC được mở lại ở cùng một cơ sở giáo dục hoặc ở địa bàn lân cận có thể mượn được. Trong công tác chỉ đạo, UBND tỉnh sẽ lưu ý chỉ đạo các đơn vị rà soát để mua sắm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nhất; tài liệu trong cùng địa bàn huyện có thể được sử dụng chung, luân chuyển đến các đơn vị có nhu cầu; trong năm 2023 UBND tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát số lượng sách giáo khoa, tài liệu có thể sử dụng lại được để xây dựng dự toán đảm bảo sát thực tế.

- *Về chi tiền lương, tiền công cho người tham gia giảng dạy xoá mù chữ:* UBND tỉnh tiếp thu và tính toán lại tiền công cho phù hợp, nếu người dạy xoá mù chữ đã nhận tiền công thì sẽ không nhận hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại (nội dung hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại chỉ dành cho tình nguyện viên không lấy tiền công). Do đó, UBND tỉnh dẫn lại trong dự thảo nghị quyết này như sau: “Đối với trường hợp trả thù lao: Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Đối với tình nguyện viên (không nhận thù lao): Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017.”

**2.3. Ý kiến thẩm tra** “Theo báo cáo thuyết minh của UBND tỉnh, trong giai đoạn 2022-2030 dự kiến tổng số người tham gia học chương trình xoá mù chữ là 2.886 người/10.363 người mù chữ, tỷ lệ xoá mù chữ mới đạt 27,84%”, đề nghị UBND tỉnh “làm rõ việc nghị quyết ban hành tác động thế nào đến mục tiêu xoá mù chữ trên địa bàn tỉnh”.

#### **Ý kiến tiếp thu, giải trình:**

Theo Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 12/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XII) về phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, mục tiêu liên quan đến XMC là: “Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ (phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3), phấn đấu tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Nâng cao chất lượng hoạt động công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”. Theo Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (ban hành kèm theo Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 24/9/2021), một số mục tiêu liên quan đến XMC như

<sup>10</sup>Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 về việc phê duyệt danh mục học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp xoá mù chữ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022-2030.

sau: *Mục tiêu đến năm 2025: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, trong đó có 50% số huyện, thành phố đạt mức độ 2; Mục tiêu đến năm 2030: Có 87,5% số huyện, TP đạt XMC mức độ 2;*

Như vậy, mục tiêu xoá mù chữ của tỉnh là nâng cao chất lượng xoá mù chữ (giảm số người mù chữ), tăng dần đơn vị cấp huyện đạt chuẩn XMC mức độ 2. Hiện nay, chỉ tiêu “50% số huyện, thành phố đạt mức độ 2” đã đạt (đang có 62,5% đơn vị cấp huyện đạt mức độ 2). Số liệu người học XMC dự kiến mở các lớp xoá mù chữ để đạt được các mục tiêu đề ra như huyện Pác Nặm phấn đấu đến năm 2025 đạt XMC mức độ 2, huyện Ngân Sơn cần có thêm 01 xã đạt XMC mức độ 2 để đạt mức XMC mức độ 2<sup>11</sup>. Do đó, với số người học XMC như dự kiến sẽ góp phần nâng cao chất lượng XMC và đạt được các mục tiêu đề ra. Đến năm 2025, số người mù chữ trong độ tuổi 15-60 của tỉnh là 7.443 người (giảm 2.920 người), chiếm tỉ lệ 3,19%. Đến năm 2030, số người mù chữ trong độ tuổi 15-60 của tỉnh Bắc Kạn là 5.354 người (giảm 5.009 người), chiếm tỉ lệ 2,18%. Số người mù chữ này không nhiều và tỉ lệ người mù chữ không cao so với nhiều tỉnh khác<sup>12</sup>. Dự kiến đến năm 2025 tỉnh đạt chuẩn XMC mức độ 2 (vượt chỉ tiêu đề ra).

**2.4. Ý kiến thẩm tra** “*Bổ sung báo cáo đánh giá tác động của nghị quyết đối với việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” (trong đó làm rõ mục tiêu xoá mù chữ của giai đoạn này so với kết quả thực hiện của giai đoạn trước, làm rõ sự tác động của nghị quyết đối với việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập”, bổ sung biểu thuyết minh các mức chi của dự thảo nghị quyết trong đó có so sánh với mức đang thực hiện và quy định của các thông tư). Từ đó rà soát lại các mức chi trong dự thảo nghị quyết cho phù hợp với thực tế.”*

**Ý kiến tiếp thu, giải trình:** UBND tỉnh gửi kèm Báo cáo đánh giá tác động, dự thảo nghị quyết chỉnh sửa sau tiếp thu, báo cáo và biểu thuyết minh kèm theo dự toán kinh phí.

Với nội dung trên, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VH-XH, HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở GD&ĐT;
- CVP, PCVP (Ô. Minh);
- Lưu: VT, Mai Anh, Lam.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Quang Tuyên**

<sup>11</sup>Năm 2021, tỉnh Bắc Kạn có 02 huyện chưa đạt XMC mức độ 2 là Ngân Sơn và Pác Nặm, có 11 xã chưa đạt XMC mức độ 2 là: Khang Ninh (Ba Bể), Quảng Bạch (Chợ Đồn), Thuần Mang, Trung Hoà (Ngân Sơn), Nghiên Loan, Xuân La, An Thắng, Bằng Thành, Nhận Môn, Công Bằng, Cổ Linh (Pác Nặm).

<sup>12</sup>Theo số liệu năm 2021, tỉnh Hà Giang có 34.457 người mù chữ (tỉ lệ 6,41%), Điện Biên có 19.706 người mù chữ (tỉ lệ 5,52%), Cao Bằng có 14.736 người mù chữ (tỉ lệ 4,07%), Thái Nguyên có 7.351 người mù chữ (tỉ lệ 0,89%), Tuyên Quang có 7.318 người mù chữ (tỉ lệ 1,29%), Yên Bái có 33.841 người mù chữ (5,39%), Đắk Lắk có 96.072 người mù chữ (7,31%); Đắk Nông có 33.167 người mù chữ (8,37%); Trà Vinh có 73.728 người mù chữ (10,18%), Kiên Giang có 79.590 người mù chữ (8,04%)...

## **BẢN THUYẾT MINH**

### **Các nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Báo cáo số 789 /BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra của HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn)*

#### **1. Các căn cứ thực hiện**

- Căn cứ pháp lý:

+ Khoản 3, khoản 4 Điều 6, Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 8/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” có quy định: “*Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương*”; “*Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án tại địa phương, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách tại địa phương*”.

+ Khoản 5, Điều 20, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 có quy định: “*Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ: Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ*”.

- Căn cứ thực tiễn:

+ Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ mức độ 1. Tuy nhiên, số người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60 còn nhiều (10.363 người, chiếm 4,48%, chủ yếu ở vùng đặc biệt khó khăn); số người tham gia các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ giai đoạn 2011-2020 chưa đạt mục tiêu là xóa mù chữ cho 5000 người; trong 5 năm từ 2017 đến 2021, toàn tỉnh chỉ mở được 39 lớp xoá mù chữ với 652 học viên (đặc biệt trong 2 năm gần nhất chỉ mở được 01 lớp với 10 học viên ở huyện Pác Nặm); phong trào xây dựng xã hội học tập ở một số địa phương chưa đi vào chiều sâu; hoạt động của một số trung tâm học tập cộng đồng chưa thật sự hiệu quả, chưa phong phú, chưa thu hút được nhiều người dân tham gia...

+ Triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 528/KH-UBND ngày 19/8/2022 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022. Tuy nhiên, do chưa có quy định cụ thể về nội dung, mức chi đối với Đề án theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg nên các địa phương, đơn vị chưa có căn cứ áp dụng để quản lý, sử dụng kinh phí giai đoạn mới.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

## **2. Bộ cục dự thảo Nghị quyết gồm 4 Điều**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung và mức chi

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện

## **3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

a) Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm.

b) Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương.

c) Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng.

d) Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm: Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập; chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập.

đ) Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.

e) Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:

+ Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục).

+ Chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ.

+ Chi hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ, sách giáo khoa dùng chung và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ.

+ Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC.

+ Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập.

+ Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy).

g) Chi khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

i) Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025.

#### **4. Kinh phí thực hiện**

##### **4.1. Dự kiến kinh phí**

a) Kinh phí chi thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập theo từng năm:

- Năm 2020 (đã chi): 1.152.948.831 đồng (*Kinh phí chi tiết năm 2020 theo phụ lục 1*).

- Năm 2021 (đã chi): 466.802.000 đồng (*Kinh phí chi tiết năm 2021 theo phụ lục 1*).

- Từ năm 2022 đến 2025 (dự kiến): 13.542.360.000 đồng (*Kinh phí chi tiết giai đoạn 2022-2025 theo phụ lục 2 và các phụ lục 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8a, 8b, 8c, 8d*).

- Từ năm 2026 đến 2030 (dự kiến): 10.302.612.500 đồng (*Kinh phí chi tiết giai đoạn 2026-2030 theo phụ lục 11, 12, 13, 14, 15, 16 và các phụ lục 17a, 17b, 17c, 17d, 17e*).

Như vậy, kinh phí giai đoạn 2022-2023 tăng so với giai đoạn 2020-2021 là 6.209.196.669 đồng. Nguyên nhân kinh phí giai đoạn 2022-2023 tăng lên so với giai đoạn 2020-2021 là:

+ Số lớp xóa mù chữ tăng lên (giai đoạn năm 2020-2021 chỉ tổ chức được 01 lớp với 10 học viên, trong khi đó giai đoạn 2022-2023 tổ chức được 65 lớp với 1421 học viên) nên số tiền chi tăng (bình quân chi cho mỗi lớp xóa mù chữ là 75.700.000 đồng);

+ Các định mức chi tăng lên: cho công tác điều tra PCGD, XMC tăng lên, hỗ trợ học phẩm tăng, chi phụ cấp cho giáo viên, cán bộ quản lý tăng...;

+ Năm 2021, ngoài huyện Bạch Thông, các huyện/thành phố khác không được cấp kinh phí chi cho công tác điều tra PCGD, XMC, cả tỉnh chỉ được cấp 60.872.000 chi cho công tác điều tra PCGD, XMC, trong khi đó nếu cấp đủ thì số tiền chi cho công tác điều tra PCGD, XMC là 580.118.000 đồng.

Tuy nhiên, nếu sang giai đoạn 2026-2030 số lớp xoá mù chữ giảm đi (do số người mù chữ đã giảm ở giai đoạn 2021-2025) thì kinh phí chi cho công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục sẽ giảm (cứ giảm 01 lớp xoá mù chữ thì kinh phí sẽ giảm 75.700.000 đồng).

b) Riêng kinh phí chi hỗ trợ người dân tham gia học xoá mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC*), cụ thể:

Giai đoạn 2021-2025 (dự kiến): 4.212.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm mười hai triệu đồng*). (*Kinh phí chi tiết giai đoạn 2021-2025 theo phụ lục 9*).

Đây là nội dung hỗ trợ mới, trước đây người dân học xoá mù chữ chưa được hỗ trợ.

**4.2. Nguồn kinh phí:** Từ ngân sách cấp tỉnh, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Các nội dung: “chi hỗ trợ người dân tham gia học xoá mù chữ”, “chi hỗ trợ học phẩm cho học viên, tài liệu học tập, sách giáo khoa, sổ sách theo dõi quá trình học tập, văn phòng phẩm cho giáo viên và học viên”: chi từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (theo khoản 5 và khoản 6 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính);

- Các nội dung còn lại: chi từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

*(Kèm theo Biểu so sánh mức chi và các phụ lục kinh phí).*